

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 447/2023/DS-PT

Ngày: 23/8/2023

V/v tranh chấp: “Đứng tên quyền
sử dụng đất và đòi quyền sử dụng
đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Ái Doan**

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn Đạt

Ông Huỳnh Văn Ngoan

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lưu Thị Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Mai Thị Đào Quyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2023/TLPT-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp “Đứng tên quyền sử dụng đất và đòi quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 90/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 697/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Cụ Nguyễn Thị Ở, sinh năm: 1927

Địa chỉ: ấp HQ, xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1973.(Có mặt)

Địa chỉ: ấp HP 1, xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
Văn bản ủy quyền ngày 12 tháng 11 năm 2021.

Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm: 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp HQ, xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Nơi cư trú hiện nay: số 25 đường Nguyễn Văn Đại, khu phố 3, phường 1, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị G:
Ông Trần Thanh H là Luật sư của Văn phòng Luật sư Trần Thanh H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

2. Ông Lưu Văn Th, sinh năm: 1963 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp HQ, xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị G:
Ông Trần Thanh H là Luật sư của Văn phòng Luật sư Trần Thanh H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Thị G và Lưu Văn Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cụ Nguyễn Thị O là bà Nguyễn Thị S trình bày: Theo nội dung quyết định của bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 89/2010/HNPT ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã xử:

“...Ghi nhận chị G hoàn trả cho bà O ½ tổng diện tích của 03 thửa: 1011, 1083, 1504. Chị G được tiếp tục đứng tên quyền sử dụng đất đối với 03 thửa nêu trên...”

Buộc anh Lưu Văn Th phải hoàn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa: thửa 673 (bà O có diện tích 1.861m²)...”

Do bản án tuyên bà G giao ½ tổng diện tích của 03 thửa: 1011, 1083, 1504 cho cụ Ốc anh tác nhưng cụ không được đứng tên quyền sử dụng đất đối với ½ tổng diện tích của 03 thửa đất này và không tuyên tứ cận giáp với ai; bản án cũng tuyên buộc ông Th trả lại cụ O 1.861m² đất lúa nhưng cũng không tuyên tứ cận giáp ai. Do bản án phúc thẩm số 89/2010/HNPT ngày 06 tháng 12 năm 2010 tuyên không rõ ràng nên Cơ quan Thi hành án không thi hành được nên cụ Ốc đơn yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xem xét kháng nghị tái thẩm đối với bản án phúc thẩm số 89/2010/HNPT, bà G có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xem xét kháng nghị tái thẩm đối với bản án phúc thẩm số 89/2010/HNPT. Vì không có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục tái thẩm nên Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh và Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh có thông báo không kháng nghị theo thủ tục tái thẩm đối với Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 89/2010/HNPT ngày 06 tháng 12 năm 2010. Do trước đây cụ Ốc còn ở

chung với bà G nên chưa có nhu cầu sử dụng đất, nay cụ O đã sống riêng bà G và có nhu cầu sử dụng đất. Nay cụ O khởi kiện yêu cầu bà G chia cho cụ được đứng tên $\frac{1}{2}$ tổng diện tích của 03 thửa đất gồm thửa 1011, 1083, 1504 tọa lạc tại ấp HQ, xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, cụ yêu cầu được nhận vị trí đất giáp với đất bà Đỗ Thị Lệ; yêu cầu ông Th trả lại cho cụ $1.861m^2$ nằm trong thửa đất số 673 tọa lạc tại ấp HQ, xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang có vị trí giáp với ông Nguyễn Văn Biên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị G trình bày: Cụ Nguyễn Thị O là mẹ ruột của bà, năm 2010 trở về trước bà và ông Lưu Văn Th là vợ chồng sống chung nhà với cụ O, vợ chồng bà có nhiều mâu thuẫn xảy ra nên vợ chồng bà có yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang giải quyết ly hôn và chia tài sản chung của vợ chồng. Quyết định của bản án số 89/2010/HNPT ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xác định 03 thửa đất số 1011, diện tích $404m^2$; thửa đất số 1083, diện tích $504m^2$ và thửa đất số 1504, diện tích $331,5m^2$ là tài sản chung của bà và ông Th nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị O.

Bị đơn ông Lưu Văn Th trình bày: Vào khoảng năm 2008 đến năm 2010 vợ chồng ông có nhiều mâu thuẫn xảy ra dẫn đến việc xin ly hôn, cụ Nguyễn Thị O cũng có xảy ra xích mích với vợ chồng ông nên tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm ông có trình bày là thửa đất số 673, diện tích $3.861m^2$ có $1.861m^2$ là của cụ O mua nhưng thực tế cụ O không có bỏ tiền ra mà thửa đất này là do cha ông là cụ Lưu Văn Thâu tặng cho vợ chồng ông chứ cụ O không có mua bán chuyển nhượng gì. Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cụ O.

Tại Bản án dân sơ thẩm số 90/2023/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang áp dụng Điều 166, 219 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 35, Điều 39, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị O.

1. Buộc bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ để cụ Nguyễn Thị O đứng tên $\frac{1}{2}$ tổng diện tích 03 thửa đất 1011, 1083, 1504 đo đạc thực tế là $605m^2$ tọa lạc tại ấp HQ, xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang được ký hiệu T1, T2, T3, T6, T8, T9 theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất; $\frac{1}{2}$ tổng diện tích 03 thửa đất 1011, 1083, 1504 cụ O được đứng tên có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần đất bà Đỗ Thị L

Hướng Tây giáp phần đất còn lại chia cho bà Nguyễn Thị G

Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn B

Hướng Bắc giáp đường tỉnh 865

(Có sơ đồ kèm theo)

2. Cụ Nguyễn Thị O tự nguyện tháo dỡ phần diện tích nhà là $17,4m^2$, mái che là $38,6m^2$, chuồng là $7,8m^2$ nằm bên phần đất bà G được ký hiệu T4, T5, T7 theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất. (Có sơ đồ kèm theo)

3. Buộc ông Lưu Văn Th phải có nghĩa vụ trả lại cụ Nguyễn Thị O $1.861m^2$ đất nằm trong thửa đất 673 tọa lạc tại ấp HQ, xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang được ký hiệu T2 theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất; diện tích đất $1.861m^2$ ông Th trả cụ Ố có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần đất ông Nguyễn Văn B1

Hướng Tây giáp phần đất còn lại của ông Lưu Văn Th

Hướng Nam giáp bờ kênh

Hướng Bắc giáp đất ông Lưu Văn T1

(Có sơ đồ kèm theo)

4. Cụ Nguyễn Thị O được quyền đăng ký đất đai đối với $\frac{1}{2}$ tổng diện tích 03 thửa đất 1011, 1083, 1504 đo đạc thực tế là $605m^2$ và $1.861m^2$ nằm trong thửa đất 673 cùng tọa lạc tại ấp HQ, xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 95 Luật đất đai.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 05/6/2023 và ngày 16/6/2023, bị đơn Nguyễn Thị G và Lưu Văn Th có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư Trần Thanh H phát biểu quan điểm bảo vệ quyền lợi cho bà Nguyễn Thị G: Bản án sơ thẩm căn cứ vào Bản án 89 để giải quyết vụ án này. Năm 2010 thì bà O có yêu cầu độc lập tranh chấp đối với 03 thửa đất này. Tòa sơ thẩm và phúc thẩm xác định 03 thửa đất này là của ông Th và bà G. Bà G cũng có kháng cáo đối với phần 60 chỉ vàng, sau đó bà G rút đơn kháng cáo. Phần bản án trước đây tại tòa phúc thẩm bà G thay đổi ý kiến xin nhận bằng đất, không phù hợp với quy định pháp luật. Đối với thỏa thuận bà G trả lại $\frac{1}{2}$ 3 thửa đất cho bà O là không có căn cứ vì đây là tài sản của bà G và ông Th. Bản án 89 chưa được giám đốc thẩm. Tại phiên tòa hôm nay bà G đưa ra được chứng cứ 3 thửa

đất này là do bà G và ông Th mua. Do đó, cụ O đòi bà G 3 thửa đất này là không có căn cứ. Tòa sơ thẩm xử là không đúng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G. Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Lưu Văn Th: Ông Th có trích lục hồ sơ cấp giấy đất cho ông Th, thể hiện ông Thâu cho vợ chồng ông Th, không phải do cụ O bỏ tiền ra mua nên cụ O không có quyền đòi lại. Đề nghị xem xét giám đốc thẩm bản án số 89.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của Nguyễn Thị G và Lưu Văn Th: Bản án sơ thẩm xử là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật. Bị đơn Nguyễn Thị G và Lưu Văn Th kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị G và anh Lưu Văn Th lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về xác định quan hệ tranh chấp giữa cụ Nguyễn Thị O với bà Nguyễn Thị G và ông Lưu Văn Th Tòa án cấp sơ thẩm xác định là chia tài sản thuộc sở hữu chung và đòi quyền sử dụng đất là chưa chính xác bởi lẽ cụ O kiện bà G để cụ O được đứng tên 1/3 thửa đất tranh chấp với bà G và cụ O kiện ông Th để cụ O được đứng tên và sử dụng thửa đất mà cụ O tranh chấp với ông Th theo bản án số 89/2010/HNPT ngày 06/12/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang nên Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại quan hệ tranh chấp là yêu cầu được đứng tên quyền sử dụng đất và đòi tài sản.

[2] Về nội dung vụ án và xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị G và ông Lưu Văn Th:

- Cụ Nguyễn Thị O kiện chị Nguyễn Thị G và anh Lưu Văn Th theo Bản án số 89/2010/HNPT ngày 06/12/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Tại phần quyết định của bản án 89/2010 có đoạn: “Ghi nhận chị G hoàn trả cho bà O 1/2 tổng diện tích của 03 thửa: 1011, 1038, 1504. Chị G được tiếp tục đứng tên quyền sử dụng đất đối với 03 thửa nêu trên...” “Buộc anh Lưu Văn Th phải

hoàn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa: thửa 673 (bà Ổ có diện tích 1.861m²)...cho bà Ổ...”. Các thửa đất tranh chấp đều tọa tại ấp Hậu Quới, xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Xét việc cụ Ổ tranh chấp yêu cầu để bà được đứng tên quyền sử dụng đất và đòi tài sản đối với chị G: Thực tế, sau khi có Bản án 89/2010 chị G vẫn là người đứng tên các thửa đất 1011, 1038, 1504 mà không trả cho cụ Nguyễn Thị Ổ ½ ba thửa đất mà Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã giải quyết. Do chị G là con ruột của cụ Ổ nên tại Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xác định ½ ba thửa đất trên là của cụ Ổ nên không có tư cặn, phía chị G cũng không tự nguyện thi hành án. Nay cụ Ổ yêu cầu được đứng tên ½ ba thửa đất nêu trên là có căn cứ pháp luật. Theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc ngày 5/8/2022 thì ½ ba thửa đất nêu trên có diện tích là 605 m².

Xét việc cụ Ổ tranh chấp đòi tài sản đối với anh Thái: Thực tế, sau khi có Bản án 89/2010 anh Thái vẫn là người quản lý, sử dụng 1.861m² của thửa đất 673 nên việc cụ Ổ yêu cầu anh Thái trả lại 1.861m² đất này là có căn cứ pháp luật. Theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 05/8/2022 của Công ty TNHH Đo Đạc Đông Hải thì thửa đất tranh chấp có diện tích là 1861m².

Theo quy định của pháp luật thì quyền sử dụng đất của cụ Ổ đối với đất tranh chấp đã được xác định tại Bản án phúc thẩm số 89/2010/HNPT ngày 06/12/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Tuy nhiên do trước đây cụ Ổ, bà G sống chung, các bên thỏa thuận Tòa án ghi nhận, không có nêu vị trí tứ cận nên không thi hành án được. Tại tòa phúc thẩm, ông Th thừa nhận trước đây ông Th và cụ Ổ không có mâu thuẫn nên khi giải quyết thửa đất tranh chấp của hai bên Tòa án cũng không có nêu tứ cận nên không thi hành án được. Nay cụ Ổ kiện bà G và ông Th nội dung đã nêu trên và Tòa sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Ổ là có căn cứ theo án lệ số 50.

Bà G và ông Th kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của Luật sư tham gia phiên tòa là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với một nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị G và ông Lưu Văn Th mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Tòa sơ thẩm buộc ông Lưu Văn Th phải chịu 8.374.500 đồng là chưa đúng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản

án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm của ông Th. Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 293, khoản 2 Điều 308, Điều 313, và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị G và Lưu Văn Th.

- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 90/2023/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 166, 219 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 35, Điều 39, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị Ơ.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ để cụ Nguyễn Thị Ơ đứng tên $\frac{1}{2}$ tổng diện tích 03 thửa đất 1011, 1083, 1504 đo đạc thực tế là 605m² tọa lạc tại ấp HQ, xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang được ký hiệu T1, T2, T3, T6, T8, T9 theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất; $\frac{1}{2}$ tổng diện tích 03 thửa đất 1011, 1083, 1504 cụ Ơ được đứng tên có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần đất bà Đỗ Thị L

Hướng Tây giáp phần đất còn lại chia cho bà Nguyễn Thị G

Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn B

Hướng Bắc giáp đường tỉnh 865

(Có sơ đồ kèm theo)

1.2. Cụ Nguyễn Thị Ơ tự nguyện tháo dỡ phần diện tích nhà là 17,4m², mái che là 38,6m², chuồng là 7,8m² nằm bên phần đất bà G được ký hiệu T4, T5, T7 theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất. (Có sơ đồ kèm theo)

1.3. Buộc ông Lưu Văn Th phải có nghĩa vụ trả lại cụ Nguyễn Thị Ơ 1.861m² đất nằm trong thửa đất 673 tọa lạc tại ấp HQ, xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang được ký hiệu T2 theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất; diện tích đất 1.861m² ông Th trả cụ Ơ có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần đất ông Nguyễn Văn B1

Hướng Tây giáp phần đất còn lại của ông Lưu Văn Th

Hướng Nam giáp bờ kênh

Hướng Bắc giáp đất ông Lưu Văn T1

(Có sơ đồ kèm theo)

1.4. Cụ Nguyễn Thị O được quyền đăng ký đất đai đối với $\frac{1}{2}$ tổng diện tích 03 thửa đất 1011, 1083, 1504 đo đạc thực tế là 605m² và 1.861m² nằm trong thửa đất 673 cùng tọa lạc tại ấpHQ, xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 95 Luật đất đai.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị G và ông Lưu Văn Th mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 600.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo các biên lai thu số 0011495 ngày 05/6/2023 và biên lai thu số 0012582 ngày 16/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên xem như đã nộp xong.

Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ái Đoan